TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 9 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**.
2. Bà **Trần Thị Hoài**.

- T ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – T ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị Chiêm** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1437/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lô Kim O** – Sinh ngày 19-01-1989.
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Văn hóa: 9/12.
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện V, tỉnh H Hôm nay vắng mặt (có lý do).
2. Bị đơn: Anh **Lý Hồng T**– Sinh 06-6-1989.
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày. Văn hóa: 9/12
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện V, tỉnh H Hôm nay vắng mặt (đã triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19-03-2019 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Lô Kim O trình bày: Chị O và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Vợ, chồng chị O, anh T về chung sống từ tháng 8 năm 2008, nhưng đến ngày 23 tháng 4 năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh H. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Đến khoảng tháng 9 năm 2012, thì vợ, chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do anh T không chịu khó làm ăn, Tòng xuyên đi chơi đánh bạc, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, trong cuộc sống gia

đình chị O có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên Tòng xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ, chồng sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Chị O cảm thấy không thể chung sống với anh T được nữa nên có quan điểm xin Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng có một con chung: Cháu Lý Minh T- Sinh ngày: 30-11-2008

Hiện tại cháu T đang ở với vợ, chồng chị O tại Thôn M, xã P, huyện V, tỉnh H Khi ly hôn chị O có nguyện vọng giao cháu T cho anh Lý Hồng T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm mom con theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Chị O và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lý Hồng T thể hiện tại biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 17-5-2019, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải (cùng ngày 21-5-2019) có nội dung: Anh T nhất trí với lời trình bày của chị Lô Kim O về việc vợ, chồng về chung sống từ tháng 8 năm 2008, nhưng đến ngày 23 tháng 4 năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh H. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng anh chung sống bình T ờng được thời gian ngắn. Đến khoảng tháng 9 năm 2012, thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn như chị O trình bày. Vợ, chồng anh T, chị O đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Nay chị O xin ly hôn, anh T không nhất trí, anh T mong chị O quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dậy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng có một con chung: Cháu Lý Minh T- Sinh ngày: 30-11-2008.

Trường hợp phải ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Minh T đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị O không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị O vắng mặt, đã có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai, đơn của chị O có quan điểm giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và giao cháu T cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của anh T có quan điểm không nhất trí ly hôn, mong muốn vơ, chồng về đoàn tụ gia

đình, trường hợp phải ly hôn anh T nhận nuôi cháu T đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Lô Kim Ođối với anh Lý Hồng T.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lô Kim O đối với anh Lý Hồng T ly hôn.

3. *Về con chung:*

Giao cháu Cháu Lý Minh T- Sinh ngày: 30-11-2008 cho anh Lý Hồng T. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 17-09-2019.

Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. *Về tài sản, công nợ chung*: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Lô Kim O về việc xin ly hôn với anh Lý Hồng T được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định từ cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải không thành, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Kim O và anh Lý Hồng T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 23-4-2009 tại UBND xã P, huyện V, tỉnh H, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 9/2012 vợ, chồng chị O, anh T phát sinh mâu thuẫn sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, anh T Tòng xuyên chơi bời, có quan hệ bất chính với người khác. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O đối với anh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không chấp nhận yêu cầu của anh T đề nghị chị O về đoàn tụ gia đình.

[3] Về con chung:

Tòa án xét thấy nguyện vọng của anh T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lý Minh T, cần phải giao cháu Lý Minh T, sinh ngày: 30-11-2008 cho anh Lý Hồng T. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 17-09-2019.

Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Lô Kim O và anh Lý Hồng T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Lô Kim O đối với anh Lý Hồng T.

2. **Về quan hệ hôn nhân***:* Chị Lô Kim O và anh Lý Hồng T ly hôn.

3. **Về con chung:**

Giao Lý Minh T, sinh ngày: 30-11-2008 cho anh Lý Hồng T. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Vtrông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 17 -9-2019.

Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. **Về án phí***:* Chị Lô Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02343 ngày 13 tháng 5 năm 2019. Chị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Báo cho chị O, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã P - VX;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Anh Luyện

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**